

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2014-2015

Môn học : Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư - 1104021

Mã lớp học phần: 110402111

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Lê Thị Vân Đan

Ngày thi: 21/04/2015

Giờ thi: 13h15

Phòng thi: A1.12

Giám thị 1: Lê Văn Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: Tiến Dũng Ký tên: [Signature]

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1210140325	Nguyễn Huỳnh Ngọc Trâm	19/11/1994	<u>[Signature]</u>		9	Chín	C14TC3	
2	1210140326	Nguyễn Ngọc Trâm	11/10/1994	<u>[Signature]</u>		4	Bốn	C14TC3	
3	1210140327	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	09/04/1994	<u>[Signature]</u>		10	Mười	C14TC3	
4	1210140328	Phan Nguyễn Khánh Trân	25/08/1994					C14TC3	Nợ HP
5	1210140347	Nguyễn Tú Trinh	17/07/1994	<u>[Signature]</u>	02	7	Bảy	C14TC3	
6	1210140348	Trương Thị Phương Trinh	22/01/1994	<u>[Signature]</u>	02	9	Chín	C14TC3	
7	1210140349	Vũ Thị Ngọc Trinh	01/01/1994	<u>[Signature]</u>		7	Bảy	C14TC3	
8	1210140350	Lã Bá Trình	19/09/1994	<u>[Signature]</u>		6	Sáu	C14TC3	
9	1210140355	Lê Quốc Trung	28/01/1994					C14TC3	Nợ HP
10	1210140358	Nguyễn Thị Thanh Truyền	12/02/1994	<u>[Signature]</u>		5,5	Năm rưỡi	C14TC3	
11	1210140353	Lê Nhứt Trường	01/08/1994	<u>[Signature]</u>		7	Bảy	C14TC3	
12	1210140351	Đậu Quốc Trục	25/11/1994	<u>[Signature]</u>		8,5	Tám rưỡi	C14TC3	
13	1210140359	Chung Viết Tuấn	17/09/1993	<u>[Signature]</u>	02	8,5	Tám rưỡi	C14TC3	
14	1210140361	Tạ Hoàng Tuấn	04/10/1994	<u>[Signature]</u>		4,5	Bốn rưỡi	C14TC3	
15	1210140398	Trương Minh Tuấn	19/04/1994	<u>[Signature]</u>		5,5	Năm rưỡi	C14TC3	
16	1210140369	Bùi Thị Ngọc Tuyên	28/05/1994	<u>[Signature]</u>		6	Sáu	C14TC3	
17	1210140370	Nguyễn Văn Tuyên	24/10/1993	<u>[Signature]</u>	02	6	Sáu	C14TC3	Nợ HP
18	1210140371	Đặng Thị Ánh Tuyết	03/04/1994	<u>[Signature]</u>		7	Bảy	C14TC3	
19	1210140365	Đỗ Lê Tùng	25/09/1994	<u>[Signature]</u>		6	Sáu	C14TC3	
20	1210140362	Huỳnh Kỳ Tùng	24/05/1994	<u>[Signature]</u>		8	Tám	C14TC3	
21	1210140364	Nguyễn Thanh Tùng	08/08/1993	<u>[Signature]</u>		6	Sáu	C14TC3	
22	1210140366	Đào Trọng Thanh Tú	16/11/1994	<u>[Signature]</u>		5,5	Năm rưỡi	C14TC3	
23	1210140367	Nguyễn Thị Cẩm Tú	10/04/1994	<u>[Signature]</u>		4	Bốn	C14TC3	
24	1210140322	Lê Hồng Tươi	15/09/1994	<u>[Signature]</u>		3,5	Ba rưỡi	C14TC3	
25	1210140323	Trần Thị Tươi	05/01/1993	<u>[Signature]</u>		6	Sáu	C14TC3	
26	1210140374	Lê Ngọc Uyên	09/03/1994	<u>[Signature]</u>		7	Bảy	C14TC3	
27	1210140376	Nguyễn Thị Thảo Uyên	12/11/1993	<u>[Signature]</u>		6,5	Sáu rưỡi	C14TC3	
28	1210140373	Hoàng Thị Út	25/06/1993	<u>[Signature]</u>		6	Sáu	C14TC3	
29	1210140378	Lê Văn Vàng	04/05/1993	<u>[Signature]</u>		3,5	Ba rưỡi	C14TC3	
30	1210140377	Lê Thị Cẩm Vân	05/10/1992	<u>[Signature]</u>		5,5	Năm rưỡi	C14TC3	
31	1210140379	Lê Thị Thảo Vi	25/11/1993	<u>[Signature]</u>		8	Tám	C14TC3	
32	1210140380	Vô Văn Việt	11/12/1993					C14TC3	Nợ HP

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	1210140381	Huỳnh Bá Vĩ	21/04/1993					C14TC3	Nợ HP ✓
34	1210140382	Lê Thị Bích Vĩ	16/02/1993			5	Nais	C14TC3	
35	1210140383	Nguyễn Ngọc Vương	01/06/1994			6	Sais	C14TC3	
36	1210140384	Hà Thúc Phương Vy	25/01/1994			8	Tais	C14TC3	
37	1210140385	Lê Tự Hoài Vy	24/02/1994			8	Tais	C14TC3	
38	1210140387	Phan Nguyễn Tường Vy	11/11/1994			7	Ray	C14TC3	
39	1210140388	Phạm Tuyết Xuân	31/12/1994			8	Tais	C14TC3	
40	1210140393	Cao Nguyễn Xuân Yên	22/07/1994			7	Ray	C14TC3	
41	1210140389	Lương Thị Kim Yến	05/11/1994			7	Ray	C14TC3	
42	1210140391	Nguyễn Ngọc Yến	10/10/1994			7	Ray	C14TC3	
43	1210140392	Trần Thị Kim Yến	05/05/1994			4,5	Ray	C14TC3	-

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2014-2015

Môn học : Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư - 1104021

Mã lớp học phần: 110402111

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Lê Thị Vân Đan

Ngày thi: 21/04/2015

Giờ thi: 13h15

Phòng thi: A1.11

Giám thị 1: T.T. Hoa Ký tên: Hoa
Giám thị 2: Đ. Minh Ký tên: Minh
Giám thị 3: V. Phương Ký tên: Phương
Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1210140265	Vũ Thanh	29/11/1993	<u>al</u>		8	Tấn	C14TC3	
2	1210140267	Nguyễn Thị Tố	06/07/1994	<u>ngô</u>		1	Một	C14TC3	Nợ HP
3	1210140268	Nguyễn Thị Kim	24/09/1994	<u>Ngọc</u>		3,5	Ba rưỡi	C14TC3	
4	1210140271	Bùi Vũ Tấn	03/08/1994	<u>tao</u>		4,5	Bốn rưỡi	C14TC3	
5	1210140270	Võ Phước	01/06/1994	<u>B</u>		10	Mười	C14TC3	
6	1210140275	Nguyễn Bá	08/08/1993	<u>thuy</u>		3,5	Ba rưỡi	C14TC3	
7	1210140277	Phan Thị Kim	12/01/1994	<u>thanh</u>		6,5	Sáu rưỡi	C14TC3	
8	1210140276	Phạm Phương	25/08/1994	<u>thanh</u>		9	Hai	C14TC3	Nợ HP
9	1210140278	Trần Châu	07/06/1994	<u>thanh</u>		2	Hai	C14TC3	
10	1210140279	Nguyễn Phạm Quốc	21/03/1994	<u>th</u>		3,5	Ba rưỡi	C14TC3	
11	1210140285	Đinh Nguyễn Thanh	07/04/1994	<u>th</u>		4,5	Bốn rưỡi	C14TC3	
12	1210140282	Lê Trần Thạch	10/10/1994	<u>thao</u>		6	Sáu	C14TC3	
13	1210140283	Nguyễn Ngọc Phương	26/04/1994	<u>thao</u>		2,5	Hai rưỡi	C14TC3	
14	1210140284	Nguyễn Thị Thu	26/06/1994	<u>thao</u>		3,5	Ba rưỡi	C14TC3	
15	1210140287	Phan Thị Thanh	03/07/1994	<u>thao</u>		3	Ba	C14TC3	
16	1210140288	Tô Thị Thanh	10/04/1993	<u>th</u>		6	Sáu	C14TC3	
17	1210140289	Trần Ngọc	23/09/1994	<u>thao</u>		4,5	Bốn rưỡi	C14TC3	
18	1210140291	Võ Thanh	01/08/1994	<u>th</u>		7	Bảy	C14TC3	
19	1210140280	Nguyễn Việt	05/05/1993	<u>th</u>		9	Chín	C14TC3	
20	1210140273	Nguyễn Thị Hồng	12/10/1994	<u>th</u>		8	Tám	C14TC3	
21	1210140274	Trương Thị	28/02/1993	<u>th</u>		7	Bảy	C14TC3	
22	1210140292	Lê Thị Bích	23/05/1994	<u>th</u>		5,5	Năm rưỡi	C14TC3	
23	1210140300	Nguyễn Hoàng Đức	21/11/1994	<u>th</u>		9	Chín	C14TC3	
24	1210140304	Vương Liên	11/01/1994	<u>th</u>		7,5	Bảy rưỡi	C14TC3	
25	1210140308	Hoàng Thị Thanh	18/09/1993	<u>th</u>		8	Tám	C14TC3	
26	1210140307	Hồ Thị Thanh	13/10/1993	<u>th</u>		7	Bảy	C14TC3	
27	1210140309	Nguyễn Thị Thu	19/11/1994	<u>th</u>		3	Ba	C14TC3	
28	1210140310	Trần Thị Đức	24/04/1994	<u>th</u>		4	Bốn	C14TC3	
29	1210140311	Võ Thị Thanh	20/07/1994	<u>th</u>		8	Tám	C14TC3	
30	1210140305	Dương Ngọc	16/05/1994	<u>th</u>		3,5	Ba rưỡi	C14TC3	
31	1210140295	Đặng Thị Anh	15/02/1994	<u>th</u>		4	Bốn	C14TC3	Nợ HP
32	1210140296	Ngô Minh	20/08/1994	<u>th</u>		2	Hai	C14TC3	Nợ HP

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	1210140298	Phan Thị Anh	Thư	13/06/1994	<i>Phan</i>		4	Bốn	C14TC3	-
34	1210140301	Nguyễn Thị Lưu	Thương	09/09/1993	<i>Nguyễn</i>		5	Năm	C14TC3	-
35	1210140315	Bùi Thụy Thủy	Tiên	17/03/1993	<i>Bùi</i>		5	Năm	C14TC3	-
36	1210140316	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	11/09/1994	<i>Nguyễn</i>		2,5	Hai rưỡi	C14TC3	-
37	1210140319	Trương Thùy	Tiên	10/10/1994	<i>Trương</i>		4	Bốn	C14TC3	-
38	1210140312	Âu Dũng	Tiến	20/09/1994	<i>Âu</i>		7	Bảy	C14TC3	-
39	1210140313	Nguyễn Minh	Tiến	15/04/1994	<i>Nguyễn</i>		7,5	Bảy rưỡi	C14TC3	-
40	1210140321	Trương Thành	Tín	09/08/1994	<i>Trương</i>		6,5	Sáu rưỡi	C14TC3	-
41	1210140333	Đặng Thị Quỳnh	Trang	01/10/1994	<i>Đặng</i>		5,5	Năm rưỡi	C14TC3	-
42	1210140339	Đỗ Hoàng Thiên	Trang	05/10/1993	<i>Đỗ</i>		2	Hai	C14TC3	Nợ HP
43	1210140332	Hồ Thị Thùy	Trang	19/10/1994	<i>Hồ</i>		2	Hai	C14TC3	Nợ HP
44	1210140335	Nguyễn Đặng Quỳnh	Trang	30/06/1993	<i>Nguyễn</i>		2	Hai	C14TC3	-
45	1210140334	Nguyễn Hồng	Trang	07/12/1994	<i>Nguyễn</i>		3,5	Ba rưỡi	C14TC3	-
46	1210140336	Nguyễn Thị Hoàng	Trang	27/09/1994	<i>Nguyễn</i>		5	Năm	C14TC3	-
47	1210140337	Nguyễn Thị Thu	Trang	08/10/1994	<i>Nguyễn</i>		8	Tám	C14TC3	-
48	1210140340	Phạm Thị Thùy	Trang	13/07/1994	<i>Phạm</i>		4,5	Bốn rưỡi	C14TC3	-
49	1210140342	Trần Thị Xuân	Trang	01/01/1994	<i>Trần</i>		5,5	Năm rưỡi	C14TC3	-
50	1210140343	Võ Trần Thùy	Trang	26/11/1994	<i>Võ</i>		4	Bốn	C14TC3	-

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.